

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 19 – 5 – 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Mai Thị Huyền Trang

2. Bà Võ Thị Thúy Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Trung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Lê Muộn – Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/02/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nhật L, sinh 1987. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh K, sinh 1987. (xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2022 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhật L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Anh K chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N ngày 27/6/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2021 xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do ông K không quan tâm, thiếu trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn. Nhiều lần khuyên bảo nhưng ông K vẫn không thay đổi, mâu thuẫn kéo dài đến nay đã thật sự trầm trọng, hiện vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm thăm hỏi nhau, sự việc được hai bên gia đình biết và động viên nhưng không thành. Nay tình cảm của bà với ông K không còn, không thể tiếp tục đời sống chung vợ chồng, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng bà có một người con chung là cháu Nguyễn Anh Nhật T, sinh 01/9/2014 đang sống với bà. Nay vợ chồng ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T. Không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản trình bày ý kiến ngày 23/3/2022 bị đơn ông Nguyễn Anh K trình bày:*

Nay ông viết đơn này đồng ý cho bà L đơn phương về ly hôn và giao con cho bà L. Lý do: ông đi làm ăn xa, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*  
Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Nhật L và ông Nguyễn Anh K chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không quan tâm nhau. Mặt khác trong quá trình giải quyết, bị đơn có trình bày ý kiến đồng ý ly hôn và giao con chung theo yêu cầu của bà L. Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhật L. Về con chung: Tại bản trình bày ý kiến ông K đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, xét nguyện vọng cháu T được tiếp tục sống với bà L, nên giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông K không phải cấp dưỡng do bà L không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Nhật L khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện N xin ly hôn với ông Nguyễn Anh K trú tại Đ, P, N và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện N thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Anh K có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nhật L và ông Nguyễn Anh K chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N ngày 27/6/2013 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do ông K bỏ mặc, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay không còn

thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau (được chính quyền địa phương xã P xác nhận). Mặt khác, trong quá trình giải quyết ông K trình bày ông đồng ý ly hôn và giao con chung cho bà L. HĐXX nhận thấy hôn nhân vợ chồng bà L, ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L đề nghị được ly hôn với ông K là có căn cứ, có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Anh Nhật T, sinh 01/9/2014. Tại bản trình bày ý kiến ông K đồng ý giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời xét nguyện vọng cháu T được tiếp tục sống với bà L. Vì vậy, cần giao cháu T cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của bà L.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhật L. Bà Nguyễn Thị Nhật L được ly hôn với ông Nguyễn Anh K.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Nhật T, sinh 01/9/2014 cho bà Nguyễn Thị Nhật L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nhật L phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002305, ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Bà L đã nộp đủ án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4./ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp L.

**Nơi nhận:**

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND N;
- Chi cục THADS N;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Cường**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Lê Thị Hường**

**Mai Thị Huyền Trang**

**Vũ Văn Cường**

